

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP ĐỨC
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2018/KDTM-ST**

Ngày 26/4/2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP ĐỨC, TỈNH QUẢNG NAM

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Minh Thông;

Bà Trần Thị Thanh Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Diễm My, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Hồng Được – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2017/TLST-KDTM ngày 10 tháng 10 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Địa chỉ: Khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân T; Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

(Văn bản ủy quyền ngày 10/10/2017).

2. *Bị đơn:* Công ty cổ phần N;

Địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Nhất P; Chức vụ: Giám đốc.

Hiện tại ông Đặng Nhất P đã bỏ đi khỏi Công ty không rõ lý do và địa chỉ.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần N ngày 27/11/2017 cử ông Nguyễn Thế T (là cổ đông công ty) thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần N tham gia tố tụng. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Lâm Thùy T; Địa chỉ: 37 đường T, phường C, quận T, Tp Đà Nẵng. Vắng mặt.

3.2. Ông Nguyễn Thế T; Địa chỉ: 431/5 đường H, tổ 30, phường T, Quận T, Tp Đà Nẵng. Vắng mặt.

3.3. Bà Dương Thị Lệ T; Địa chỉ: 386/16 đường N, phường H, quận H, Tp Đà Nẵng. Vắng mặt.

3.4. Ông Nguyễn Văn Đ; Địa chỉ: 24 đường P, Tp T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3.5. Ông Đặng Nhất P; Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Ngày 05/11/2014, Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam và Chi nhánh Công ty cổ phần N có ký hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201401118. Theo đó, Chi nhánh Công ty cổ phần N vay số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Mức lãi suất ban đầu là 10,5%/năm, áp dụng lãi suất cho vay biến đổi, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn do Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam ấn định nhưng tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn cho vay là 40 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Kỳ hạn trả nợ gốc 08 tháng/kỳ, kỳ hạn trả nợ lãi 03 tháng/lần. Mục đích vay mua tài sản phục vụ kinh doanh. Ngày 05/11/2014, Công ty cổ phần N ký Giấy nhận nợ đối với số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Công ty cổ phần N đã thế chấp một chiếc xe ô tô hiệu Toyota Fortuner, 07 chỗ ngồi, màu đen, biển số 43A-138.80 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006553 do Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 26/01/2015 để bảo đảm số tiền vay trên theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 14.0511-DN/HĐTC ngày 05/11/2014 và Phụ lục kèm theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 14.0511-DN/PLHĐTC ngày 04/9/2015.

Ngày 25/12/2014, Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam và Công ty cổ phần N có ký hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201401403. Theo đó, Công ty cổ phần N vay số tiền 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng). Mức lãi suất ban đầu là 10,5%/năm, áp dụng lãi suất cho vay biến đổi, điều chỉnh định

kỳ 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn do Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam ấn định nhưng tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Kỳ hạn trả nợ gốc 12 tháng/kỳ, kỳ hạn trả nợ lãi 03 tháng/lần. Mục đích vay mua tài sản phục vụ kinh doanh. Ngày 25/12/2014, Công ty cổ phần N ký Giấy nhận nợ đối với số tiền 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng). Công ty cổ phần N đã thế chấp một xe máy chuyên dùng loại máy đào bánh xích nhãn hiệu SOLAR 400LC-V, biển số 43XA-0809 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00015/2015/XMCD do Sở Giao thông vận tải TP Đà Nẵng cấp ngày 29/01/2015 và một xe máy chuyên dùng loại xe lật bánh lốp nhãn hiệu KOMATSU WA400-3, biển số 43LA-0545 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00016/2015/XMCD do Sở Giao thông vận tải TP Đà Nẵng cấp ngày 29/01/2015 để bảo đảm số tiền vay trên theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 14.2512-DN/HĐTC ngày 25/12/2014 và Phụ lục kèm theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 14.2512-DN/PLHĐTC ngày 04/9/2015..

Ngày 19/03/2015, Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam và Công ty cổ phần N có ký hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201500274. Theo đó, Công ty cổ phần N vay số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Mức lãi suất ban đầu là 10,5%/năm, áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn do Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam ấn định nhưng tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Kỳ hạn trả nợ gốc 12 tháng/kỳ, kỳ hạn trả nợ lãi 03 tháng/lần. Mục đích vay mua tài sản phục vụ kinh doanh. Ngày 19/03/2015, Công ty cổ phần N ký Giấy nhận nợ đối với số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Công ty cổ phần N đã thế chấp một xe máy chuyên dùng loại máy đào bánh xích nhãn hiệu SOLAR 300, biển số 92XA-0707 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 707/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam cấp ngày 06/5/2015 để bảo đảm số tiền vay trên theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 15.1903-DN/HĐTC ngày 19/3/2015 và Phụ lục kèm theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 15.1903-DN/PLHĐTC ngày 04/9/2015.

Ngày 27/4/2016, Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam và Công ty cổ phần N có ký hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201600541. Theo đó, Công ty cổ phần N vay số tiền 11.700.000.000đ (Mười một tỷ bảy trăm triệu đồng). Mức lãi suất ban đầu là 10,0%/năm, áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn do Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam ấn định nhưng tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn cho vay là 63 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Kỳ hạn trả nợ gốc 12 tháng/kỳ, kỳ hạn trả nợ lãi 03 tháng/lần. Mục đích vay mua tài sản phục vụ kinh doanh. Ngày

27/04/2016, Công ty cổ phần N ký Giấy nhận nợ đối với số tiền 11.200.000.000đ (Mười một tỷ hai trăm triệu đồng). Ngày 23/8/2016, Công ty cổ phần N ký Giấy nhận nợ đối với số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Công ty cổ phần N đã thế chấp một dây chuyền nghiền đá có công suất 250 tấn/h để bảo đảm số tiền vay trên theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 16.2504-DN/HĐTC ngày 25/4/2016 và Phụ lục kèm theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 16.2504-DN/PLHĐTC ngày 31/5/2017.

Ngày 17/10/2016, Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam và Công ty cổ phần N có ký hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201601518. Theo đó, Công ty cổ phần N vay số tiền 4.200.000.000đ (Bốn tỷ hai trăm triệu đồng). Mức lãi suất ban đầu là 10,0%/năm, áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn do Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam ấn định nhưng tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Kỳ hạn trả nợ gốc 12 tháng/kỳ, kỳ hạn trả nợ lãi 03 tháng/lần. Mục đích vay mua tài sản phục vụ kinh doanh. Ngày 17/10/2016, Công ty cổ phần N ký Giấy nhận nợ đối với số tiền 4.200.000.000đ (Bốn tỷ hai trăm triệu đồng). Công ty cổ phần N đã thế chấp một xe máy đào bánh xích hiệu HUYNDAI ROBEX 3600, dung tích gàu 1.2m³, xuất xứ Hàn Quốc, nhiên liệu sử dụng: Diezel, năm sản xuất 2001; một xe máy đào bánh xích hiệu KOMATSU PC400-6, dung tích gàu 1.4m³, xuất xứ Nhật Bản, nhiên liệu sử dụng: Diezel, năm sản xuất 2000; một xe máy đào bánh xích hiệu KOBELCO SK320, dung tích gàu 1.4m³, xuất xứ Nhật Bản, nhiên liệu sử dụng: Diezel, năm sản xuất 1998; một búa đập đá, xuất xứ Hàn Quốc, năm sản xuất: 2001; một búa đập đá, xuất xứ Nhật Bản, năm sản xuất: 2000; một búa đập đá, xuất xứ Nhật Bản, năm sản xuất: 1998 để đảm bảo số tiền vay trên theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 16.1709-DN/HĐTC ngày 17/9/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi (*Lãi tính đến ngày khởi kiện ngày 05/10/2017*). Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201401118, còn nợ lại tiền gốc là 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi là 5.600.000đ (Năm triệu, sáu trăm, nghìn đồng).

- Hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201401403, còn nợ lại tiền gốc là 1.080.000.000đ (Một tỷ, không trăm, tám mươi triệu đồng) và tiền lãi 29.100.000đ (Hai mươi chín triệu, một trăm nghìn đồng).

- Hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201500274, còn nợ lại tiền gốc là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi 10.777.778đ (Mười triệu, bảy trăm, bảy mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi tám đồng).

- Hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201600541, còn nợ lại tiền gốc là 11.700.000.000đ (Mười một tỷ, bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi là 509.194.444đ (Năm trăm lẻ chín triệu, một trăm chín mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

- Hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201601518, còn nợ lại tiền gốc là 4.200.000.000đ (Bốn tỷ, hai trăm triệu đồng) và tiền lãi là 184.333.333đ (Một trăm tám mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng Công ty cổ phần N không trả. Do vậy, Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần N phải trả tổng cộng tiền gốc là 17.540.000.000đ (Mười bảy tỷ, năm trăm bốn mươi triệu đồng) và nợ lãi tính đến ngày khởi kiện ngày 05/10/2017 là 739.055.555đ (Bảy trăm ba mươi chín triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng) và lãi phát sinh tiếp theo đối với các khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng nêu trên. Trường hợp công ty không thanh toán, đề nghị Tòa án phát mãi các tài sản đã thế chấp trên để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần N là ông Đặng Nhất P vắng mặt tại địa phương không rõ lý do, không tham gia tố tụng tại Tòa án. Vì vậy, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần N ngày 27/11/2017 cử ông Nguyễn Thế T (là cổ đông công ty) thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần N tham gia tố tụng. Theo tài liệu hồ sơ vụ án, ông Nguyễn Thế T thừa nhận Công ty cổ phần N có vay số tiền theo các hợp đồng tín dụng như đại diện của Ngân hàng trình bày là đúng. Công ty cổ phần N đồng ý thanh toán các khoản nợ gốc, lãi, lãi phát sinh theo cam kết trong các hợp đồng trên cho Ngân hàng. Nhưng hiện tại, công ty chưa bán được tài sản để trả nên Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế T, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Lâm Thùy T, bà Dương Thị Lệ T trình bày: Điều thừa nhận Công ty cổ phần N có vay số tiền theo các hợp đồng tín dụng như đại diện của Ngân hàng trình bày. Hiện nay, đại diện theo pháp luật của công ty ông Đặng Nhất P Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần N bỏ đi đâu không rõ nên chúng tôi cử ông Nguyễn Thế T đại diện cho công ty thực hiện các giao dịch bán tài sản của công ty để thanh toán các khoản nợ trên cho Ngân hàng, đồng thời, tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là đại diện cho Công ty cổ phần N. Hiện nay, Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam khởi kiện yêu cầu công ty trả các khoản nợ nêu trên, chúng tôi đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam tham gia phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đối với việc xử lý đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 23/11/2017 không có văn bản chính thức trả lời việc có áp dụng hay không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, không gửi cho Viện kiểm sát là vi phạm thủ tục tố tụng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 133 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 11 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016. Vì vậy, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức ra Quyết định về việc không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và gửi cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên nhận thấy một số chứng cứ quan trọng chưa được làm rõ trong vụ án. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tiếp tục thu thập các chứng cứ quan trọng còn thiếu để làm căn cứ giải quyết vụ án được khách quan. Cụ thể:

- Thu thập chứng cứ thể hiện quá trình trả tiền vay của Công ty cổ phần N đối với 05 hợp đồng tín dụng. Tài liệu xác định đối chiếu các khoản nợ vay giữa Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam và Công ty cổ phần N và các tài liệu thể hiện việc yêu cầu trả nợ, thời hạn trả nợ của Ngân hàng.

- Yêu cầu Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam cung cấp tài liệu chứng minh các tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền.

- Thu thập báo cáo tài chính các năm để có cơ sở xác định các tài sản hình thành do đi vay biến động trong các năm tài chính của Công ty cổ phần N.

- Tiến hành xác minh các cơ quan có thẩm quyền để xác định việc có hay không việc chuyển nhượng các tài sản thế chấp hiện không có tại công ty. Giao cho bị đơn có trách nhiệm xác định vị trí, hiện trạng các tài sản thế chấp để có cơ sở đảm bảo việc thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm

sát nhân dân huyện Hiệp Đức tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Do Công ty cổ phần N có trụ sở cuối cùng tại thôn M, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam, chưa bị giải thể hoặc phá sản. Vì vậy, tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam và Công ty cổ phần N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 09 tháng 02 tháng 2018, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Nhất P vắng mặt không rõ lý do, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế T, bà Dương Thị Lệ T, bà Nguyễn Lâm Thùy T, ông Nguyễn Văn Đ có đơn xin hoãn phiên tòa nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa.

Ngày 09 tháng 03 tháng 2018, Tòa án mở phiên tòa lần thứ hai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Lâm Thùy T, bà Nguyễn Thị Lệ T, ông Nguyễn Văn Đ, ông Đặng Nhất P vắng mặt không rõ lý do. Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam đề nghị hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa.

Ngày 27 tháng 03 tháng 2018, Tòa án mở phiên tòa lần thứ ba, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Lâm Thùy T, bà Nguyễn Thị Lệ T, ông Nguyễn Văn Đ có đơn đề nghị xử vắng mặt; ông Đặng Nhất P, ông Nguyễn Thế T vắng mặt không rõ lý do. Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam đề nghị hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Lâm Thùy T, bà Dương Thị Lệ T, ông Nguyễn Văn Đ, ông Đặng Nhất P, ông Nguyễn Thế T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập lần thứ hai trở lên nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

Đối với đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 05/10/2017, Ngày 22/12/2017, tại phiên hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam đã rút yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để tạo điều kiện cho công ty N phối hợp với Ngân hàng bán tài sản để thu hồi nợ vay.

Đối với đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 18/4/2018 của Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam. Xét thấy Ngân hàng chưa cung cấp đầy đủ các chứng cứ nên Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, yêu cầu Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam cung cấp các chứng cứ để chứng minh tài sản yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thuộc sở hữu của Công ty cổ phần N để xem xét giải quyết theo pháp luật. Tuy

nhiên, đến nay Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam chưa cung cấp nên chưa đủ điều kiện để áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam khởi kiện buộc Công ty cổ phần N phải trả số tiền tổng cộng tiền gốc là 17.540.000.000đ (Mười bảy tỷ, năm trăm bốn mươi triệu đồng) và nợ lãi tính đến ngày khởi kiện ngày 05/10/2017 là 739.055.555đ (Bảy trăm ba mươi chín triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng) và lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 06/10/2017 trở về sau đối với các khoản nợ theo hợp các đồng tín dụng. Trường hợp Công ty cổ phần N không thanh toán thì phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ.

Cụ thể tiền gốc và lãi tính đến ngày khởi kiện 05/10/2017 theo các hợp đồng tín dụng số:

- Hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201401118 ngày 05/11/2014, còn nợ lại tiền gốc là 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi là 5.600.000đ (Năm triệu, sáu trăm nghìn đồng).

- Hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201401403 ngày 25/12/2014, còn nợ lại tiền gốc là 1.080.000.000đ (Một tỷ, không trăm, tám mươi triệu đồng) và tiền lãi 29.100.000đ (Hai mươi chín triệu, một trăm nghìn đồng).

- Hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201500274 ngày 19/3/2015, còn nợ lại tiền gốc là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi 10.777.778đ (Mười triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi tám đồng).

- Hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201600541 ngày 27/4/2016, còn nợ lại tiền gốc là 11.700.000.000đ (Mười một tỷ, bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi là 509.194.444đ (Năm trăm lẻ chín triệu, một trăm chín mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

- Hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201601518 ngày 17/10/2016, còn nợ lại tiền gốc là 4.200.000.000đ (Bốn tỷ, hai trăm triệu đồng) và tiền lãi là 184.333.333đ (Một trăm tám mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

Xét hình thức hợp đồng giữa Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam và Công ty cổ phần N thì thấy:

Tại thời điểm ký kết các Hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201401118 ngày 05/11/2014, hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201401403 ngày 25/12/2014, hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201500274 ngày 19/3/2015, hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201600541 ngày 27/4/2016, hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201601518 ngày 17/10/2016 cùng các Giấy nhận nợ giữa Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam và người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần N

đúng theo quy định của pháp luật. Đối với khoản vay để đầu tư có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của công ty theo Điều lệ của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần N thống nhất thông qua. Đối với khoản vay của Chi nhánh Công ty cổ phần N theo hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201401118 được Công ty cổ phần N thế chấp một chiếc xe ô tô hiệu Toyota Fortuner, 07 chỗ ngồi, màu đen, biển số 43A-138.80 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006553 do Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 26/01/2015 để bảo đảm số tiền vay trên theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 14.0511-DN/HĐTC ngày 05/11/2014 và Phụ lục kèm theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 14.0511-DN/PLHĐTC ngày 04/9/2015. Vì vậy, về hình thức và nội dung ký kết các hợp đồng tín dụng trên đảm bảo tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật.

Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 14.0511-DN/HĐTC ngày 05/11/2014 và Phụ lục kèm theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 14.0511-DN/PLHĐTC ngày 04/9/2015; hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 14.2512-DN/HĐTC ngày 25/12/2014 và Phụ lục kèm theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 14.2512-DN/PLHĐTC ngày 04/9/2015; hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 15.1903-DN/HĐTC ngày 19/3/2015 và Phụ lục kèm theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 15.1903-DN/PLHĐTC ngày 04/9/2015; hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 16.2504-DN/HĐTC ngày 25/4/2016 và Phụ lục kèm theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 16.2504-DN/PLHĐTC ngày 31/5/2017; hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 16.1709-DN/HĐTC ngày 17/9/2016 tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật khi giao kết và đã được công chứng viên chứng thực.

Do vậy, cho thấy các hợp đồng đã được giao kết trên là những hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong các hợp đồng này.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam thì thấy:

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp trên, Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng, tiến hành giải ngân số tiền vay theo hạn mức cung cấp tín dụng cho bị đơn. Tuy nhiên, do Công ty cổ phần N không trả nợ gốc và lãi vay đúng kỳ hạn thanh toán như đã cam kết. Như vậy, công ty cổ phần N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người đại diện tham gia tố tụng của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất về số nợ gốc và nợ lãi phát sinh, các bên không có tranh chấp gì khác về vấn đề này. Như vậy, căn cứ quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng thì yêu cầu khởi kiện buộc Công ty cổ phần N phải trả số tiền tổng cộng tiền gốc là 17.540.000.000đ

(Mười bảy tỷ, năm trăm bốn mươi triệu đồng) và nợ lãi tính đến ngày khởi kiện ngày 05/10/2017 là 739.055.555đ (Bảy trăm ba mươi chín triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng) và lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 06/10/2017 trở về sau đối với các khoản nợ theo hợp các đồng tín dụng của Ngân hàng là có căn cứ, hoàn toàn phù hợp.

Xét yêu cầu đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thanh toán nợ thì thấy:

Để đảm bảo các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng nêu trên, công ty cổ phần N đã thế chấp các tài sản sau: một chiếc xe ô tô hiệu Toyota Fortuner, 07 chỗ ngồi, màu đen, biển số 43A-138.80 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006553 do Công an Tp Đà Nẵng cấp ngày 26/01/2015; một xe máy chuyên dùng loại máy đào bánh xích nhãn hiệu SOLAR 400LC-V, biển số 43XA-0809 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00015/2015/XMCD do Sở Giao thông vận tải Tp Đà Nẵng cấp ngày 29/01/2015 và một xe máy chuyên dùng loại xe lật bánh lốp nhãn hiệu KOMATSU WA400-3, biển số 43LA-0545 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00016/2015/XMCD do Sở Giao thông vận tải Tp Đà Nẵng cấp ngày 29/01/2015; một xe máy chuyên dùng loại máy đào bánh xích nhãn hiệu SOLAR 300, biển số 92XA-0707 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 707/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam cấp ngày 06/5/2015; một dây chuyền nghiền đá có công suất 250 tấn/h; một xe máy đào bánh xích hiệu HUYNDAI ROBEX 3600, dung tích gàu 1.2m³, xuất xứ Hàn Quốc, nhiên liệu sử dụng: Diesel, năm sản xuất 2001; một xe máy đào bánh xích hiệu KOMATSU PC400-6, dung tích gàu 1.4m³, xuất xứ Nhật Bản, nhiên liệu sử dụng: Diesel, năm sản xuất 2000; một xe máy đào bánh xích hiệu KOBELCO SK320, dung tích gàu 1.4m³, xuất xứ Nhật Bản, nhiên liệu sử dụng: Diesel, năm sản xuất 1998; một búa đập đá, xuất xứ Hàn Quốc, năm sản xuất: 2001; một búa đập đá, xuất xứ Nhật Bản, năm sản xuất: 2000; một búa đập đá, xuất xứ Nhật Bản, năm sản xuất: 1998.

Xét việc thế chấp các tài sản trên của Công ty cổ phần N là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp, đúng theo quy định của pháp luật tại Điều 317 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, trường hợp công ty cổ phần N thực hiện không đầy đủ hoặc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì xử lý phát mãi những tài sản bảo đảm trên để thu hồi nợ là thực hiện đúng theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng thế chấp và Điều 299; Điều 307 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp trên của Ngân hàng là có căn cứ, cần chấp nhận.

Đối với phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, yêu cầu Tòa án ra Quyết định không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 05/10/2017 của Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam. HĐXX xét thấy Tòa án đã tiến hành làm việc, giải thích cho Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam phải thực hiện nghĩa vụ khi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tại biên bản ngày 23/11/2017. Tại phiên hòa giải ngày 22/12/2017, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng rút yêu cầu áp dụng

biện pháp khẩn cấp tạm thời. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam không ra Quyết định theo yêu cầu của Kiểm sát viên.

Đối với yêu cầu thu thập chứng cứ thể hiện quá trình trả tiền vay của Công ty cổ phần N, tài liệu xác định đối chiếu các khoản nợ vay giữa Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam và Công ty cổ phần N và các tài liệu thể hiện việc yêu cầu trả nợ, thời hạn trả nợ của Ngân hàng; cung cấp tài liệu chứng minh các tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền; thu thập báo cáo tài chính các năm; xác minh các cơ quan có thẩm quyền để xác định việc có hay không việc chuyển nhượng các tài sản thế chấp hiện không có tại công ty, giao cho bị đơn có trách nhiệm xác định vị trí, hiện trạng các tài sản thế chấp để có cơ sở đảm bảo việc thi hành án. HĐXX nhận thấy các bên đã công nhận hợp đồng vay, số tiền nợ vay tiền gốc và tiền lãi như đơn khởi kiện và trình bày của người đại diện của Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì thuộc trường hợp không phải xác minh. Theo quy định tại Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Điều 4 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 thì các tài sản thế chấp trên không thuộc trường hợp bắt buộc đăng ký bảo đảm. Hơn nữa, theo Điều 15 Nghị định 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 nêu rõ giao dịch bảo đảm vô hiệu không làm mất hiệu lực của hợp đồng có nghĩa vụ được bảo đảm. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định của pháp luật xác định tài sản thế chấp do bên vay là Công ty N đang quản lý. Đối với yêu cầu xác minh có hay không việc chuyển nhượng của các tài sản thế chấp thì yêu cầu này không thuộc phạm vi đơn khởi kiện. Vì vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết phải tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Về án phí: Vì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam được chấp nhận nên công ty cổ phần N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 126.280.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 35, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 275; Điều 299, Điều 323; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc Công ty cổ phần N phải trả cho Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam tổng cộng số tiền gốc là 17.540.000.000đ (Mười bảy tỷ, năm trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 05/10/2017 là 739.055.555đ (Bảy

trăm ba mươi chín triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng)

Cụ thể tiền gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng số:

- Hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201401118 ngày 05/11/2014, số tiền gốc là 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi là 5.600.000đ (Năm triệu, sáu trăm nghìn đồng). (1)

- Hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201401403 ngày 25/12/2014, số tiền gốc là 1.080.000.000đ (Một tỷ, không trăm, tám mươi triệu đồng) và tiền lãi 29.100.000đ (Hai mươi chín triệu, một trăm nghìn đồng). (2)

- Hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201500274 ngày 19/3/2015, số tiền gốc là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi 10.777.778đ (Mười triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi tám đồng). (3)

- Hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201600541 ngày 27/4/2016, số tiền gốc là 11.700.000.000đ (Mười một tỷ, bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi là 509.194.444đ (Năm trăm lẻ chín triệu, một trăm chín mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng). (4)

- Hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201601518 ngày 17/10/2016, số tiền gốc là 4.200.000.000đ (Bốn tỷ, hai trăm triệu đồng) và tiền lãi là 184.333.333đ (Một trăm tám mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng). (5)

Kể từ ngày 06/10/2017, Công ty cổ phần N còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán tại các hợp đồng tín dụng (1), (2), (3), (4), (5) nêu trên theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, trường hợp Công ty cổ phần N không thực hiện trả các khoản tiền gốc và tiền lãi, kể cả tiền lãi phát sinh từ ngày 06/10/2017 như trên thì Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự bán phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

2.1. Một chiếc xe ô tô hiệu Toyota Fortuner, 07 chỗ ngồi, màu đen, biển số 43A-138.80 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006553 do Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 26/01/2015 theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 14.0511-DN/HĐTC ngày 05/11/2014 và Phụ lục kèm theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 14.0511-DN/PLHĐTC ngày 04/9/2015 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi theo đồng tín dụng số 4214-LAV-201401118 ngày 05/11/2014.

2.2. Một xe máy chuyên dùng loại máy đào bánh xích nhãn hiệu SOLAR 400LC-V, biển số 43XA-0809 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00015/2015/XMCD do Sở Giao thông vận tải TP Đà Nẵng cấp ngày 29/01/2015

và một xe máy chuyên dùng loại xe lật bánh lốp nhãn hiệu KOMATSU WA400-3, biển số 43LA-0545 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00016/2015/XMCD do Sở Giao thông vận tải TP Đà Nẵng cấp ngày 29/01/2015 theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 14.2512-DN/HĐTC ngày 25/12/2014 và Phụ lục kèm theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 14.2512-DN/PLHĐTC ngày 04/9/2015 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi theo hợp tín dụng số 4214-LAV-201401403 ngày 25/12/2014.

2.3. Một xe máy chuyên dùng loại máy đào bánh xích nhãn hiệu SOLAR, biển số 92XA-0707 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 707/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam cấp ngày 06/5/2015 theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 15.1903-DN/HĐTC ngày 19/3/2015 và Phụ lục kèm theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 15.1903-DN/PLHĐTC ngày 04/9/2015 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201500274 ngày 19/03/2015.

2.4. Một dây chuyền nghiền đá có công suất 250 tấn/h theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 16.2504-DN/HĐTC ngày 25/4/2016 và Phụ lục kèm theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 16.2504-DN/PLHĐTC ngày 31/5/2017 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201600541 ngày 27/4/2016.

2.5. Một xe máy đào bánh xích hiệu HUYNDAI ROBEX 3600, dung tích gàu 1.2m³, xuất xứ Hàn Quốc, nhiên liệu sử dụng: Diesel, năm sản xuất 2001; một xe máy đào bánh xích hiệu KOMATSU PC400-6, dung tích gàu 1.4m³, xuất xứ Nhật Bản, nhiên liệu sử dụng: Diesel, năm sản xuất 2000; một xe máy đào bánh xích hiệu KOBELCO SK320, dung tích gàu 1.4m³, xuất xứ Nhật Bản, nhiên liệu sử dụng: Diesel, năm sản xuất 1998; một búa đập đá, xuất xứ Hàn Quốc, năm sản xuất: 2001; một búa đập đá, xuất xứ Nhật Bản, năm sản xuất: 2000; một búa đập đá, xuất xứ Nhật Bản, năm sản xuất: 1998 theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 16.1709-DN/HĐTC ngày 17/9/2016 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 4214-LAV-201601518 ngày 17/10/2016.

Khi xử lý các tài sản thế chấp được thanh toán theo quy định tại Điều 307 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả, hoặc tài sản thế chấp không còn tồn tại để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ gốc và lãi, kể cả lãi phát sinh cho Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam theo các hợp đồng (1), (2), (3), (4), (5) nói trên.

3. Về án phí:

Công ty cổ phần N phải chịu số tiền án phí dân sự có thẩm là 126.280.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Nam số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 63.140.000đ (Sáu mươi ba triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn đồng) tại biên lai thu số 0012778 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 26/4/2018). Riêng những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND H. Hiệp Đức;
- Cơ quan THADSH. Hiệp Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thọ